BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 06/2022/TT-BKHĐT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2022

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là DNNVV) về hỗ trợ công nghệ (không bao gồm khoản 5 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP); tư vấn; phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm khoản 4 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP); hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; nội dung quản lý các hoạt động hỗ trợ DNNVV.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và đáp ứng các quy định tại Chương II Nghị định số 80/2021/NĐ-CP về tiêu chí xác định DNNVV.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

c) Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV.

d) Bên cung cấp các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ DNNVV. Trường hợp bên cung cấp là tổ chức thì phải được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

đ) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. Số lao động sử dụng có tham gia bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP là tổng số lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn và lao động ký hợp đồng xác định thời hạn dưới 36 tháng của DNNVV có tham gia bảo hiểm xã hội. Trong đó, lao động ký hợp đồng xác định thời hạn dưới 36 tháng có thể do DNNVV hoặc đơn vị khác đóng bảo hiểm xã hội.

2. Người quản lý điều hành của DNNVV là người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

3. DNNVV thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là doanh nghiệp có địa chỉ trụ sở chính thuộc một trong các địa bàn quy định tại Phụ lục III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

4. Doanh nghiệp đầu chuỗi là các doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước ngoài, đáp ứng quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và có hợp đồng mua sản phẩm của DNNVV.

5. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo là các quỹ hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân trong nước, nước ngoài và được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam để thực hiện đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

6. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập trực tuyến hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy.

7. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV là các cơ quan, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng thực hiện các hoạt động liên quan đến hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

Điều 3. Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ DNNVV

1. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ, DNNVV là doanh nghiệp xã hội.

2. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP để lựa chọn tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa, đảm bảo doanh nghiệp được hưởng mức hỗ trợ có lợi nhất.

3. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV xác định quy mô DNNVV, DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ căn cứ vào tờ khai theo quy định tại Phụ lục 1 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Trường hợp cần đối chiếu thông tin do DNNVV đã kê khai, cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV căn cứ vào các tài liệu sau:

a) Xác định quy mô DNNVV:

- Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính.

- Danh sách lao động do DNNVV đang sử dụng kèm theo chứng từ nộp bảo hiểm xã hội tương ứng. Đối với các lao động do đơn vị khác đóng bảo hiểm xã hội, DNNVV có văn bản xác nhận về việc lao động này đã được đóng bảo hiểm xã hội.

b) Xác định DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ: Doanh nghiệp đáp ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và có tỷ lệ lao động nữ đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

c) Xác định DNNVV do phụ nữ làm chủ: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV tra cứu tỷ lệ vốn góp của thành viên quản lý điều hành doanh nghiệp là phụ nữ tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc tại sổ cổ đông nếu là công ty cổ phần.

4. DNNVV có thể đề xuất nhiều nội dung hỗ trợ trong một hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. Tại cùng một thời điểm với cùng một nội dung hỗ trợ, DNNVV chỉ được gửi đến một cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV.

5. DNNVV không bị hạn chế số lần hỗ trợ hoặc số lượng hợp đồng hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ quy định tính theo triệu đồng/năm/doanh nghiệp hoặc triệu đồng/năm nhưng phải đảm bảo không vượt quá tỷ lệ, định mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

6. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện công khai thông tin hỗ trợ DNNVV như sau:

a) Đăng ký tài khoản trên cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin) tại địa chỉ https://business.gov.vn và công bố thông tin theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 28 và khoản 6 Điều 29 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

b) Công khai trên trang thông tin của cơ quan, đơn vị mình các thông tin quy định tại điểm a khoản này và thông tin chi tiết về đơn vị đầu mối, phương thức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV; danh sách các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ DNNVV do đơn vị mình cung cấp; cơ sở dữ liệu về DNNVV đã được nhận hỗ trợ và các nội dung liên quan.

7. Tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ DNNVV quy định tại điểm b khoản 4 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP nộp cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV là bản sao hoặc bản chụp từ bản gốc, bản chính và không cần chứng thực. Trường hợp cần thiết, cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đề nghị DNNVV cung cấp bản chính hoặc bản gốc để đối chiếu thông tin.

8. Các mẫu, biểu tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV khi nộp cho cơ quan chức năng có thể dưới dạng văn bản giấy (gửi trực tiếp) hoặc văn bản điện tử (gửi trực tuyến) và cung cấp bản gốc hoặc bản chính để đối chiếu thông tin nếu được yêu cầu. Văn bản điện tử được lưu trữ theo đúng quy định của pháp luật về lưu trữ và xuất trình được khi cần thiết.

9. DNNVV chỉ được hỗ trợ các nội dung về tư vấn quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Thông tư này khi sử dụng tư vấn viên thuộc mạng lưới tư vấn viên.

Điều 4: Các hoạt động được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV xác định các hoạt động được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP như sau:

1. Đối với nội dung hỗ trợ về tư vấn: thù lao tư vấn cho DNNVV; hoạt động đi khảo sát thực địa, tham dự họp và đi làm việc của cá nhân tư vấn; phiên dịch cho cá nhân tư vấn nước ngoài; hoạt động quản lý của tổ chức tư vấn (trường hợp tư vấn viên là tổ chức).

2. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 22; điểm c, d, đ khoản 6 Điều 22; khoản 1 Điều 25; điểm d, đ khoản 3 Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP: thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 16, Điều 19 Thông tư này.

3. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 22; điểm b, c khoản 3 Điều 22; điểm b, c khoản 4 Điều 25; khoản 5 Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật. Trường hợp không có quy định thì căn cứ các hạng mục công việc ghi tại báo giá của bên cung cấp trên thị trường đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ, hiệu quả, đáp ứng đúng nhu cầu của DNNVV.

Điều 5. Hướng dẫn quy trình thực hiện hỗ trợ DNNVV

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ DNNVV theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Thành phần hồ sơ đề xuất gồm:

a) Tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có).

b) Tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ: Tài liệu xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 1, 2 Điều 15 Thông tư này; xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư này; các tài liệu liên quan trực tiếp khác (nếu có).

2. Đối với nội dung hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP: cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

3. Đối với nội dung hỗ trợ về công nghệ, tư vấn, hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11, khoản 2 Điều 13, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP: cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP (mẫu hợp đồng tại Phụ lục 1 Thông tư này).

4. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát hồ sơ, tổng hợp nhu cầu đề xuất hỗ trợ của DNNVV và phê duyệt kế hoạch hỗ trợ DNNVV theo năm hoặc theo quý. Việc lựa chọn bên cung cấp để triển khai kế hoạch hỗ trợ DNNVV thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 6. Quản lý hoạt động hỗ trợ DNNVV

1. Quản lý chung

a) Hoạt động quản lý chung gồm: hoạt động truyền thông về công tác hỗ trợ, nội dung hỗ trợ DNNVV; tổ chức hội nghị, hội thảo hướng dẫn, tổng kết công tác hỗ trợ DNNVV; tổ chức đoàn đánh giá tình hình thực hiện công tác hỗ trợ DNNVV; thực hiện khảo sát nhu cầu hỗ trợ DNNVV để lập kế

hoạch và dự toán hỗ trợ cho năm kế hoạch.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư được bố trí tối đa không quá 1% tổng kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ DNNVV hằng năm để thực hiện quản lý chung hoạt động hỗ trợ DNNVV trên phạm vi toàn quốc.

c) Cơ quan đầu mối của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ DNNVV) và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các địa phương được bố trí tối đa không quá 2% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ DNNVV hằng năm để thực hiện quản lý chung hoạt động hỗ trợ DNNVV trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

2. Quản lý trực tiếp các hoạt động hỗ trợ

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV được bố trí tối đa không quá 5% kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ DNNVV hàng năm của đơn vị để thực hiện quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV, gồm:

a) Hoạt động hỗ trợ cho DNNVV: đi công tác; làm thêm giờ; thông tin liên lạc; tổ chức các cuộc họp, hội thảo; thuê chuyên gia; hoạt động khảo sát trực tiếp tại doanh nghiệp để quyết định hỗ trợ; các hoạt động phục vụ trực tiếp cho công tác hỗ trợ DNNVV.

b) Hoạt động của Hội đồng lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP: rà soát hồ sơ, tài liệu của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; thuê chuyên gia; làm thêm giờ; thông tin liên lạc; tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá hồ sơ của doanh nghiệp; họp thẩm định kết quả lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; các hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động của Hội đồng.

c) Hoạt động lựa chọn bên cung cấp theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Chương II
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
Mục 1
HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN

Điều 7. Hỗ trợ công nghệ

DNNVV được hỗ trợ công nghệ theo nội dung và mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này và một số quy định cụ thể như sau:

1. DNNVV được hỗ trợ chi phí để thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số đã được công bố trên cổng thông tin hoặc trang thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc trang thông tin của bên cung cấp.

2. DNNVV đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số để đề xuất hỗ trợ phù hợp. DNNVV sử dụng bộ công cụ đánh giá mức độ chuyển đổi số đăng tải tại địa chỉ https://digital.business.gov.vn hoặc https://dbi.gov.vn hoặc do các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV ban hành.

3. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV sử dụng kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của DNNVV để xem xét hỗ trợ phù hợp với năng lực tiếp nhận của DNNVV.

Điều 8. Tư vấn viên

1. Tư vấn viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP bao gồm:

a) Cá nhân tư vấn là công dân Việt Nam (không bao gồm cán bộ, công chức theo quy định của Luật cán bộ, công chức) và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

b) Tổ chức tư vấn là các tổ chức có tư cách pháp nhân, thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có chức năng tư vấn cho doanh nghiệp.

2. Đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên:

a) Cá nhân, tổ chức tư vấn gửi hồ sơ đăng ký tham gia mạng lưới đến bộ, cơ quan ngang bộ phù hợp để được công nhận. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì gửi bản dịch tiếng Việt có chứng thực.

b) Tư vấn viên truy cập vào cổng thông tin, đăng ký và được Bộ Kế hoạch và và Đầu tư cấp tài khoản để cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu mạng lưới tư vấn viên. Tư vấn viên chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của thông tin được công khai trên cổng thông tin.

3. Cập nhật thông tin tư vấn viên:

a) Khi phát sinh mới các thông tin, tài liệu liên quan đến năng lực và kinh nghiệm, tư vấn viên thực hiện cập nhật vào hồ sơ tư vấn viên trên cổng thông tin; đồng thời gửi đến bộ, cơ quan ngang bộ để bổ sung vào hồ sơ tư vấn viên đã được công nhận.

b) Trường hợp phát hiện sai sót về thông tin đã cung cấp mà không làm thay đổi năng lực của tư vấn viên về trình độ đào tạo, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm tư vấn, tư vấn viên thực hiện cập nhật trên cổng thông tin; đồng thời gửi thông báo đến bộ, cơ quan ngang bộ nơi được công nhận để rà soát, hiệu chỉnh.

4. Tư vấn viên được miễn phí tham gia các khóa đào tạo chuẩn hóa kỹ năng, quy trình, kiến thức tư vấn do bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

Điều 9. Mạng lưới tư vấn viên

1. Hình thành mạng lưới tư vấn viên

a) Căn cứ ngành, lĩnh vực phụ trách, các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành một hoặc một số quyết định (theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này) quy định về lĩnh vực tư vấn, tiêu chí công nhận tư vấn viên, các trường hợp tư vấn viên bị đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên khi vi phạm pháp luật hoặc thuộc các trường hợp bị đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên theo quy định của các bộ, cơ quan ngang bộ.

Tiêu chí công nhận tư vấn viên cần cụ thể trình độ đào tạo, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác và các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của cơ quan quản lý.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện công nhận hoặc ủy quyền cho một hoặc một số đơn vị thuộc, trực thuộc (sau đây gọi là đơn vị công nhận tư vấn viên) công nhận tư vấn viên tham gia mạng lưới và rà soát các trường hợp tư vấn viên bị đưa ra khỏi mạng lưới.

- Hoạt động công nhận tư vấn viên tham gia mạng lưới gồm: rà soát hồ sơ đăng ký tham gia mạng lưới; liên hệ và hướng dẫn tư vấn viên hoàn thiện hồ sơ; công nhận tư vấn viên thuộc mạng lưới; hướng dẫn tư vấn viên đăng ký tài khoản và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu tư vấn viên trên cổng thông tin; xác nhận để tư vấn viên được công khai trên cổng thông tin.

- Hoạt động đưa tư vấn viên ra khỏi mạng lưới gồm: rà soát hồ sơ tư vấn viên thuộc mạng lưới; liên hệ và thông báo cho tư vấn viên về việc sẽ bị đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên; lập danh sách tư vấn viên bị đưa ra khỏi mạng lưới; rút hồ sơ tư vấn viên trên cổng thông tin.

c) Đơn vị công nhận tư vấn viên thực hiện công khai lĩnh vực tư vấn, tiêu chí công nhận tư vấn viên vào mạng lưới và danh sách tư vấn viên thuộc mạng lưới, danh sách tư vấn viên đưa ra khỏi mạng lưới tại trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ hoặc tại trang thông tin của đơn vị công nhận tư vấn viên.

d) Đơn vị công nhận tư vấn viên đăng ký và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp một hoặc một số tài khoản trên cổng thông tin để trực tiếp thực hiện hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Hoạt động quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên

a) Mua sắm, xây dựng phần mềm quản lý mạng lưới tư vấn viên; mua sắm, nâng cấp, duy trì hạ tầng phần cứng, dịch vụ đường truyền, máy chủ và dịch vụ liên quan khác để lưu trữ, vận hành mạng lưới tư vấn viên; xây dựng, duy trì và cập nhật dữ liệu mạng lưới tư vấn viên.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết, đánh giá việc hình thành, quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên.

c) Các hoạt động công nhận, đưa tư vấn viên ra khỏi mạng lưới tư vấn viên quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Kinh phí thực hiện hoạt động công nhận tư vấn viên hoặc đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên tối đa không quá 300 nghìn đồng/tư vấn viên và thanh toán theo hình thức khoán cho đơn vị công nhận tư vấn viên.

3. Bồi dưỡng, đào tạo phát triển mạng lưới tư vấn viên

a) Đơn vị công nhận tư vấn viên trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp với bên cung cấp để tổ chức các khóa đào tạo chuẩn hóa kỹ năng, quy trình, kiến thức cho tư vấn viên thuộc mạng lưới của đơn vị.

b) Nội dung tổ chức khóa đào tạo cho tư vấn viên:

<table>
<tr><th>TT</th><th>Khóa đào tạo</th><th>Nội dung đào tạo</th><th>Thời lượng đào tạo</th><th>Số học viên tối thiểu/khóa</th><th>Tổ chức đào tạo</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Ngắn hạn</td><td rowspan="2">Chuẩn hóa kỹ năng, quy trình, kiến thức tư vấn theo nhu cầu của tư vấn viên và phù hợp mục tiêu phát triển tư vấn viên của ngành, lĩnh vực.</td><td>Từ 03 đến 05 ngày (có thể không liên tục). Trong đó, có thể bố trí tối đa 40% thời lượng để học viên thực hành (nếu cần).</td><td rowspan="2">20</td><td rowspan="2">Mục 7 Phụ lục 3.2</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Dài hạn</td><td>Từ 06 đến 60 ngày (có thể không liên tục). Trong đó, có thể bố trí tối đa 40% thời lượng để học viên thực hành (nếu cần).</td></tr>
</table>

Điều 10. Hỗ trợ tư vấn

DNNVV được hỗ trợ tư vấn theo nội dung và mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

Mục 2
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 11. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP là hoạt động hỗ trợ đào tạo cho DNNVV. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Thông tư này và một số quy định cụ thể sau:

1. Đơn vị đào tạo là cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV (khi trực tiếp cung cấp dịch vụ đào tạo) hoặc là bên cung cấp (khi cơ quan, tổ chức Hỗ trợ DNNVV không trực tiếp cung cấp dịch vụ đào tạo).

2. Khóa đào tạo trực tiếp về quản trị doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP bao gồm khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản và khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu.

3. Khóa đào tạo trực tuyến thông qua công cụ dạy học trực tuyến có sẵn như Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ tương tự khác:

a) Căn cứ kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến trong năm, đơn vị đào tạo mua tài khoản công cụ dạy học trực tuyến có sẵn và tài khoản phần mềm bổ trợ (sau đây gọi là công cụ); thuê trang thiết bị đặc thù phục vụ cho khóa đào tạo trực tuyến (sau đây gọi là thiết bị đặc thù) phù hợp với quy mô tổ chức các khóa đào tạo.

b) Trường hợp mua, thuê công cụ và thiết bị đặc thù theo từng khóa thì chi phí mua, thuê tính theo chi phí phát sinh của từng khóa. Trường hợp mua, thuê gói dịch vụ theo tháng, quý hoặc năm thì chi phí mua, thuê được phân bổ trên cơ sở chí phí tổ chức mỗi khóa đào tạo.

4. Đơn vị đào tạo có thể tổ chức khóa đào tạo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP theo hình thức đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến thông qua công cụ dạy học trực tuyến có sẵn (sau đây gọi tắt là hình thức đào tạo kết hợp) với điều kiện mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không đổi và khi có từ 30% tổng số học viên tham gia học trực tiếp, cụ thể:

a) 100% học viên học trực tiếp: các giảng viên dạy trực tuyến toàn bộ, hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

b) Từ 30% học viên trở lên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến: các giảng viên dạy trực tiếp toàn bộ, hoặc trực tuyến toàn bộ, hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

c) Trên cơ sở lựa chọn hình thức đào tạo kết hợp quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này,

đơn vị đào tạo xây dựng dự toán kinh phí tương ứng.

Điều 12. Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp

Hỗ trợ đào tạo trực tiếp quy định tại khoản 1, 3 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP thực hiện theo các quy định sau:

TT	Khóa đào tạo	Chuyên đề đào tạo	Thời lượng đào tạo	Đối tượng học viên	Số học viên tối thiểu/khóa	Tổ chức đào tạo
1	Khởi sự kinh doanh	Mục 1 Phụ lục 3.1	Từ 01 đến 02 ngày; Đối với lớp 02 ngày có thể bố trí tối đa 40% thời lượng để học viên thực hành (nếu cần).	Người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của DNNVV. Trong đó, DNNVV là doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh hoặc DNNVV mới thành lập trong thời gian 5 năm tính đến năm tổ chức khóa đào tạo.	30	Mục 3 Phụ lục 3.2.
2	Quản trị doanh nghiệp cơ bản	Mục 2 Phụ lục 3.1	Từ 02 đến 05 ngày. Đối với lớp từ 03 ngày trở lên có thể bố trí tối đa 40% thời lượng để học viên thực hành (nếu cần).	Người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của DNNVV.	30	Mục 2 Phụ lục 3.2.
3	Quản trị doanh nghiệp chuyên sâu	Mục 3 Phụ lục 3.1	Từ 05 đến 28 ngày (có thể không liên tục). Trong đó, có thể bố trí tối đa 40% thời lượng để học viên thực hành (nếu cần).	Người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của DNNVV.	20	Mục 1 Phụ lục 3.2.
4	Đào tạo tại DNNVV	Mục 4 Phụ lục 3.1		Người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của DNNVV.	10	Mục 4 Phụ lục 3.2.

Điều 13. Đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp

Hỗ trợ đào tạo trực tuyến quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP thực hiện theo các quy định sau:

TT	Đào tạo trực tuyến	Chuyên đề đào tạo	Thời lượng đào tạo	Đối tượng học viên	Số học viên	Tổ chức đào tạo
1	Hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là hệ thống E-leaming)	Mục 5 Phụ lục 3.1	Mỗi clip bài giảng tối đa 20 phút. Mỗi bài giảng bao gồm nhiều clip.	Người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của DNNVV	Không hạn chế	Mục 6 Phụ lục 3.2

2	Khóa đào tạo trực tuyến qua công cụ dạy học trực tuyến có sẵn		Áp dụng như khóa đào tạo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 13 Thông tư này.	Mục 5 Phụ lục 3.2

Mục 3
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 14. Lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

1. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP căn cứ vào một trong các tài liệu sau:

a) Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

b) Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao với điều kiện các tài liệu này vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ.

2. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP căn cứ vào một trong các tài liệu sau:

a) Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 01 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 05 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ;

b) Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 01 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ;

c) Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 06 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ.

3. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP trên cơ sở quyết định của Hội đồng về việc DNNVV khởi nghiệp sáng tạo đủ kiện được hưởng hỗ trợ.

Điều 15: Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ theo nội dung và mức hỗ trợ quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này và một số quy định cụ thể sau:

1. Hỗ trợ học viên của DNNVV tham gia đào tạo, huấn luyện chuyên sâu trong nước và nước ngoài định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, gồm: học phí, tài liệu, ăn, ở, đi lại (bao gồm vé máy bay).

Nội dung các khóa đào tạo huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài gồm: xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp và các nội dung khác theo nhu cầu của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

2. Hỗ trợ DNNVV duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử quy định tại điểm c khoản 6 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, gồm:

a) Đối với sàn thương mại điện tử trong nước: phí thanh toán, phí cố định và phí dịch vụ người bán phải trả cho sàn thương mại điện tử.

b) Đối với sàn thương mại điện tử quốc tế: phí tài khoản người bán, phí giới thiệu, phí hoàn thiện đơn hàng, phí lưu kho, chi phí đăng ký mã vạch sản phẩm, chi phí thiết kế và chụp ảnh sản phẩm, chi phí quảng cáo trên sàn thương mại điện tử.

3. Hỗ trợ DNNVV tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, gồm: phí, lệ phí tham gia cuộc thi; ăn, ở tại nước sở tại; đi lại (bao gồm vé máy bay); vận chuyển tài liệu, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ tham gia cuộc thi.

Mục 4
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN

Điều 16. Lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến

1. Các hình thức liên kết giữa DNNVV với doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP gồm:

a) Liên kết theo hình thức hợp đồng mua chung nguyên liệu đầu vào: DNNVV và tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành có hợp đồng mua nguyên vật liệu đầu vào từ một bên cung cấp.

b) Liên kết theo hình thức hợp đồng bán chung sản phẩm: DNNVV và tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành có hợp đồng bán sản phẩm cho một bên thu mua.

c) Liên kết theo hình thức hợp đồng mua, bán, hợp tác liên kết là một trong các trường hợp sau:

- DNNVV có hợp đồng mua, bán sản phẩm với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành;

- DNNVV có hợp đồng hợp tác liên kết với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành.

d) Liên kết theo hình thức cùng xây dựng, sử dụng thương hiệu là một trong các trường hợp sau:

- DNNVV cùng với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành đang sử dụng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận hoặc chỉ dẫn địa lý đã được công nhận theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

- DNNVV cùng với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành đang sản xuất sản phẩm, hàng hóa (không bao gồm dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch) đã được công nhận sản phẩm đạt ba sao trở lên thuộc Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

2. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn DNNVV trong cụm liên kết ngành quy định tại khoản 1 Điều này để hỗ trợ căn cứ vào các tài liệu sau:

a) Đối với hình thức liên kết quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: tối thiểu 01 hợp đồng mua nguyên vật liệu đầu vào của DNNVV với bên cung cấp và xác nhận (hoặc hợp đồng) của bên cung cấp về việc đang cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành.

b) Đối với hình thức liên kết quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: tối thiểu 01 hợp đồng bán sản phẩm của DNNVV ký với với bên thu mua và giấy xác nhận (hoặc hợp đồng) của bên thu mua thể hiện việc đang mua sản phẩm từ tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành.

c) Đối với hình thức liên kết quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: tối thiểu 01 hợp đồng đang mua, bán sản phẩm hoặc đang hợp tác liên kết giữa DNNVV với một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành.

d) Đối với hình thức liên kết quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận hoặc chỉ dẫn địa lý hoặc nhãn hiệu của sản phẩm OCOP mà DNNVV đang sử dụng.

đ) Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV phối hợp với bên cung cấp hoặc bên thu mua để xác định danh sách các DNNVV đang mua nguyên vật liệu đầu vào hoặc đang bán sản phẩm, dịch vụ; trên cơ sở đó lựa chọn DNNVV phù hợp để hỗ trợ.

Điều 17. Lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị sản xuất, chế biến

1. Các hình thức DNNVV tham gia chuỗi giá trị theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, gồm:

a) DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) DNNVV đang thực hiện hợp đồng mua, bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hợp đồng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi.

c) DNNVV được các doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi.

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV sử dụng bộ công cụ đánh giá DNNVV tiềm năng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố tại cổng thông tin hoặc tham khảo danh sách các DNNVV tiềm năng đăng tải trên cổng thông tin để lựa chọn DNNVV.

2. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn DNNVV tham gia chuỗi giá trị quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ vào các tài liệu sau:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: tài liệu xác định quy mô là DNNVV.

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi.

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: xác nhận của doanh nghiệp đầu chuỗi.

Điều 18. Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất, chế biến

DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được hỗ trợ theo nội dung và mức hỗ trợ quy định tại Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này và một số quy định cụ thể sau:

1. Hỗ trợ đào tạo tại doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư này.

2. Hỗ trợ học viên của DNNVV tham gia khóa đào tạo trong nước và nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, gồm: học phí; tài liệu; ăn; ở; đi lại (bao gồm vé máy bay).

Nội dung các khóa đào tạo theo các chuyên đề quy định tại Mục 3 Phụ lục 3.1 Thông tư này.

3. Hỗ trợ DNNVV duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử quy định tại điểm d khoản 3 Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

Mục 5
LẬP, TỔNG HỢP, GIAO KẾ HOẠCH HỖ TRỢ DNNVV; ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO HỖ TRỢ DNNVV

Điều 19. Lập, tổng hợp, giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ DNNVV; đánh giá, báo cáo kết quả hỗ trợ DNNVV

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ DNNVV (mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này); tổng hợp nhu cầu hỗ trợ DNNVV của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương chưa cân đối được ngân sách; gửi Bộ Tài chính đề xuất kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ DNNVV cho năm kế hoạch.

b) Xây dựng phương án giao nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương chưa cân đối được ngân sách căn cứ vào tổng dự toán chi ngân sách trung ương hỗ trợ DNNVV được bố trí; gửi Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị.

c) Thông báo nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương chưa cân đối được ngân sách.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đánh giá công tác hỗ trợ DNNVV;

tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ DNNVV cho năm kế hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời tổng hợp chung trong dự toán của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Xây dựng phương án giao nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn ngân sách trung ương cho các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thuộc, trực thuộc; sao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp, theo dõi.

c) Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV đúng mục tiêu, nhiệm vụ được giao; tự kiểm tra, đánh giá, chịu trách nhiệm việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ DNNVV trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ DNNVV gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đầu mối:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trung ương (đối với các địa phương chưa cân đối được ngân sách) và ngân sách địa phương hỗ trợ DNNVV; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung; đồng thời gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của địa phương để trình cấp có thẩm quyền;

- Xây dựng phương án giao nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn ngân sách trung ương (đối với các địa phương được bổ trí ngân sách trung ương) và ngân sách địa phương (trên cơ sở dự toán chi ngân sách địa phương được bố trí) cho các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV của địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; sao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp, theo dõi.

b) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2022.

2. Bãi bỏ Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV và Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho DNNVV thông qua mạng lưới tư vấn viên.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản thay thế.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, nhiệm vụ đã được phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt lại (nếu cần).

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Website: Chính phủ, Bộ KHĐT, Công báo;
- Lưu: VT, PTDN (TA05b)

Trần Duy Đông

PHỤ LỤC 1: MẪU HỢP ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CỘN HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG[1]

(Áp dụng đối với trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV không trực tiếp cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ)

Số: ..../20..../HĐ-....

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số.... ngày ... tháng... năm của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa....;

Căn cứ Thông báo hỗ trợ số..../.... ngày.... tháng.... năm..... của Bên A (ghi tên bên hỗ trợ);

Căn cứ nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm , tại , chúng tôi gồm:

BÊN HỖ TRỢ - CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV (BÊN A)

Tên tổ chức: ……..

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế/số quyết định thành lập: *(nếu có)*

Mã số ngân sách nhà nước (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: tại Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng: ……

Người đại diện:

Chức danh:

BÊN NHẬN HỖ TRỢ - DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (BÊN B)

Tên DNNVV:

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

số tài khoản: tại Ngân hàng:.....

Người đại diện:

Chức danh: :...

BÊN CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ (BÊN C):

a) Trường hợp tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ:

Tên tổ chức: Mã số của tổ chức tư vấn[2] (nếu có):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế/số quyết định thành lập:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: tại Ngân hàng:

Người đại diện:

Chức danh:

b) Trường hợp cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ:

Họ và tên: ..Mã số của cá nhân tư vấn[3] (nếu có):

Đơn vị công tác, chức danh *(nếu có).*

Địa chỉ liên hệ:

Số CMTND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp

Điện thoại: Email:

Số tài khoản: tại Ngân hàng

Ba bên thống nhất ký Hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. Nội dung, giá trị sản phẩm, dịch vụ cung cấp[4]

Ba bên thống nhất về nội dung sản phẩm, dịch vụ cung cấp, cụ thể như sau:

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Mô tả chi tiết về sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính (nếu có)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tiến độ cung cấp sản phẩm, dịch vụ (từ ngày... đến ngày...)	Ghi chú
1...							
2….							
Tổng cộng	Toàn bộ công việc của hợp đồng				Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế, phí)		

ĐIỀU 2. Điều khoản thanh toán

Ba bên thống nhất việc thanh toán các sản phẩm, dịch vụ quy định tại Điều 1 như sau:

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Thành tiền (VNĐ)	Tỷ lệ % so với tổng giá trị hợp đồng	Đơn vị thanh toán; nguồn kinh phí	Phương thức thanh toán	Thời hạn thanh toán	Ghi chú
1			%	Ngân sách nhà nước hỗ trợ. Bên A	TM/CK		

				chi trả cho Bên C.			
2			%	DNNVV chi trả cho bên C.	TM/CK		
3...			%	Nguồn tài trợ (nếu có)	TM/CK		
Tổng cộng	Toàn bộ công việc của hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế, phí)	100%				

ĐIỀU 3: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên[5]

1. Bên A:

- Có quyền yêu cầu Bên B và Bên C cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung cung cấp sản phẩm, dịch vụ để giám sát kết quả hoạt động hỗ trợ.

- Kiểm tra, giám sát các nội dung, tiến độ thực hiện.

- Các trách nhiệm khác.

2. Bên B

- Cung cấp thông tin, tài liệu cho các bên liên quan tới thực hiện hợp đồng,

- Kiểm soát chất lượng và tiến độ công việc.

- Các trách nhiệm khác.

3. Bên C

- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ đúng yêu cầu, đảm bảo về chất lượng, thời gian thực hiện.

- Các trách nhiệm khác.

ĐIỀU 4. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Quy định các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn dẫn tới không được hưởng số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5. Giải quyết tranh chấp

Quy định cách thức giải quyết tranh chấp.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ..... tháng..... năm ..... đến ngày .... tháng....năm.....

Hợp đồng này được lập thành …. bản, bên A giữ... bản, bên B giữ... bản, bên C giữ ... bản... Các bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV *[ký tên, đóng dấu]*	**ĐẠI DIỆN DNNVV NHẬN HỖ TRỢ** *[ký tên, đóng dấu]*	**ĐẠI DIỆN BÊN CUNG CẤP** *[ký tên, đóng dấu (nếu có)]*

---

[1] Các bên có thể bổ sung thêm các điều, khoản để phù hợp với thực tế triển khai

[2]Trường hợp tổ chức tư vấn đã đăng ký trở thành tư vấn viên và được được cấp mã số tư vấn trên mạng lưới tư vấn của các bộ, ngành.

[3]Trường hợp cá nhân tư vấn đã đăng ký trở thành tư vấn viên và được được cấp mã số tư vấn trên mạng lưới tư vấn của các bộ, ngành.

[4] Căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư này để quy định chi tiết.

[5] Căn cứ tình hình thực tế, các bên cụ thể hoá nội dung này tại Hợp đồng phù hợp với quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên khi tham gia Hợp đồng

PHỤ LỤC 2: MẪU QUYẾT ĐỊNH LĨNH VỰC TƯ VẤN, TIÊU CHÍ TƯ VIÊN NGÀNH...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

BỘ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/QĐ-…	_____

QUYẾT ĐỊNH

LĨNH VỰC TƯ VẤN VÀ TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC TƯ VẤN THUỘC MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN, TIÊU CHÍ ĐƯA RA KHỎI MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA NGÀNH.....

(Kèm theo Quyết định số …./QĐ-....ngày …/..../20... của Bộ trưởng/Thủ trưởng.....)

I. LĨNH VỰC TƯ VẤN NGÀNH

Mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ DNNVV ngành (sau đây gọi là Mạng lưới tư vấn viên) bao gồm các lĩnh vực sau đây:

1. Tư vấn về.....

2. Tư vấn về.....

3. Tư vấn về .....

……..

II. TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC TƯ VẤN THUỘC MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN NGÀNH.....

Các cá nhân, tổ chức tư vấn đăng ký tham gia Mạng lưới tư vấn viên ngành.... đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí chung

1.1. Cá nhân tư vấn

1.1.1. Cá nhân tư vấn là công dân Việt Nam'.

- Về sức khỏe.

- Về trình độ đào tạo.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Về kinh nghiệm tư vấn.

- Về các tiêu chí khác (nếu có).

1.1.2. Cá nhân tư vấn là lao động người nước ngoài:

- Các điều kiện về lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Các tiêu chí riêng đáp ứng điều kiện của ngành (nếu có).

1.2. Tổ chức tư vấn:

- Về chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thành lập (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

- Về kinh nghiệm, năng lực tư vấn.

- Về các tiêu chí khác (nếu có).

2. Tiêu chí chuyên biệt

Quy định các tiêu chí chuyên biệt phù hợp với ngành, lĩnh vực (nếu có).

3. Hồ sơ tham gia mạng lưới theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP

Hình thức nộp trực tiếp hoặc trực tuyến.

4. Điều kiện, tiêu chí đưa tư vấn viên ra khỏi mạng lưới

Quy định cụ thể các điều kiện, tiêu chí đưa tư vấn viên ra khỏi mạng lưới

III. TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:....

THỦ TRƯỞNG
(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Mẫu 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN NGÀNH ....
(Đối với cá nhân tư vấn)
Kính gửi: ....- Bộ.....

Tôi tên là:

Đơn vị công tác, chức danh (nếu có):

Địa chỉ liên hệ:

Kinh nghiệm hoạt động tư vấn:.... tháng/năm, trong lĩnh vực *(liệt kê các lĩnh vực tư vấn đã thực hiện).*

Số hợp đồng tư vấn đã thực hiện trong 36 tháng gần nhất:

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chí theo quy định, tôi đề nghị được tham gia Mạng lưới tư vấn viên ngành , lĩnh vực tư vấn *(liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm).*

(Kèm Hồ sơ năng lực cá nhân tại Biểu 1 và các giấy tờ liên quan, nếu có).

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

___, ngày___tháng___năm____
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 1

SƠ YẾU LÝ LỊCH VÀ HỒ SƠ NĂNG LỰC CÁ NHÂN TƯ VẤN

Ảnh 4x6

1. Lĩnh vực tư vấn đề xuất *(liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm) ……..*

2. Thông tin chung về tư vấn

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Tên tổ chức, cơ quan đang làm việc (nếu có):

Tên của các tổ chức, hiệp hội/hội nghề nghiệp đang tham gia (nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Quốc tịch:

Chứng minh thư/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Nơi cấp: Ngày cấp

Thông tin liên hệ:

- Số điện thoại:

- Email:

- Địa chỉ các trang mạng xã hội cá nhân (nếu có):

3. Trình độ đào tạo: (Liệt kê các ngành học đã tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp)

STT	Thời gian học	Tên trường	Ngành học	Bằng tốt nghiệp
...	...	...	**. . .**	. . .

4. Các khóa đào tạo ngắn hạn liên quan đến lĩnh vực tư vấn (Liệt kê các khóa đào tạo ngắn hạn đã tham gia và được cấp chứng chỉ/chứng nhận):

STT	Tên khóa đào tạo	Đơn vị tổ chức	Địa điểm tổ chức	Thời gian tổ chức
...	...	.. .	. . .	...

5. Trình độ ngoại ngữ (Cho biết mức độ thành thạo theo các mức đánh giá: Xuất, tốt, Trung bình hoặc Yếu)

STT	Ngôn ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
. ..	.. .	....	....	. . .	...

6. Quá trình công tác: (Theo thứ tự thời gian từ gần nhất đến xa nhất các công việc đã thực hiện):

1	*Năm công tác*	
	Đơn vị công tác:	**....**
	Các chức danh và nhiệm vụ chính:	....

7. Các dự án/hợp đồng tư vấn đã thực hiện:

STT	Nội dung	Mô tả
1	*Tên dự án/hợp đồng*	
	Thời gian thực hiện	
	Địa điểm thực hiện	
	Đơn vị thuê/chủ dự án	
	Chức danh tại dự án/hợp đồng	
	Các nhiệm vụ chính đã thực hiện	
2	….	

8. Các ấn phẩm, bài báo, đề tài có liên quan đến lĩnh vực tư vấn đã xuất bản hoặc tham gia

STT	Ấn phẩm	Vai trò (Chủ biên, thành viên…)	Đơn vị xuất bản	Năm
1	Sách ….			
2	Bài báo ….			
3	Báo cáo …			
4	Nghiên cứu….			

9. Người đối chiếu thông tin (Thông tin của tối thiểu 03 người có thể xác minh các thông tin đã kê khai)

STT	Họ và tên	Nơi công tác	Chức vụ	Số điện thoại	Email cá nhân
1	…	…	…	…	…
2	…	…	…	…	…
3	…	…	…	…	…
4	…	…	…	…	…

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

.... ngày....tháng....năm.....
Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 2
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN NGÀNH….
(Đối với tổ chức tư vấn)
Kính gửi:....- Bộ....

Chúng tôi là *(tên tổ chức):*

Địa chỉ liên hệ: .

Kinh nghiệm hoạt động tư vấn của tổ chức: tháng/năm

Các lĩnh vực thực hiện tư vấn: *(liệt kê các lĩnh vực tư vấn tổ chức đã thực hiện): ……*

Tổng số hợp đồng tư vấn đã thực hiện trong 36 tháng gần nhất:

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chí theo quy định, chúng tôi đề nghị được tham gia Mạng lưới tư vấn viên ngành....., lĩnh vực tư vấn …… *(liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của tổ chức).*

(Kèm Hồ sơ năng lực tổ chức/công ty tại Biểu 2 và các giấy tờ liên quan, nếu có). Chúng tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

___, ngày___tháng___năm___
Đại diện hợp pháp của tổ chức tư vấn
(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Biểu 2
HỒ SƠ NĂNG LỰC TỔ CHỨC TƯ VẤN

1. Giới thiệu về tổ chức: tóm tắt quá trình hình thành, phát triển, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và các thông tin liên quan khác.

2. Thông tin của tổ chức:

Tên tổ chức:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Quyết định thành lập (nếu có):

Loại hình hoạt động của tổ chức:

Tên người đại diện theo pháp luật:

Điện thoại/Email:

3. Lĩnh vực, dịch vụ tư vấn: ghi rõ các lĩnh vực, dịch vụ tư vấn tổ chức đang thực hiện.

4. Các dự án/hợp đồng tư vấn đã thực hiện (liệt kê trong 36 *tháng gần nhất)*

STT	Tên dự án/hợp đồng tư vấn	Thời gian thực hiện	Thông tin khách hàng	Nội dung tư vấn (mô tả về nội dung đã tư vấn và kết quả sau khi tư vấn)
1				
2				

5. Thông tin về tư vấn cá nhân thuộc tổ chức *(Liệt kê danh sách tư vấn cá nhân đã làm việc từ 12 tháng trở lên tại tổ chức);*

STT	Tên cá nhân tư vấn	Lĩnh vực tư vấn	Kinh nghiệm tư vấn	Thời gian làm việc tại tổ chức tư vấn
1				
2				
3				

(Gửi kèm Hồ sơ năng lực của từng tư vấn cá nhân đang hoạt động trong các lĩnh vực tư vấn mà tổ chức dự kiến đăng ký vào mạng lưới theo mẫu tại Biểu 1 Phụ lục 2 Thông tư này).

____, ngày___tháng___năm____
Đại diện hợp pháp của tổ chức tư vấn
(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC 3.1: CHUYÊN ĐỀ ĐÀO TẠO CHO DNNVV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Mục 1. Khởi sự kinh doanh

1. Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh;

2. Kiến thức, kỹ năng và những vấn đề pháp lý trong thành lập doanh nghiệp;

3. Những vấn đề về thị trường, marketing và bán hàng;

4. Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp;

5. Tổ chức tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân sự;

6. Tổ chức quản trị tài chính, dòng tiền.

7. Các nội dung về chuyển đổi số liên quan đến khởi sự kinh doanh

Mục 2. Quản trị doanh nghiệp cơ bản

1. Quản trị nhân sự;

2. Quản trị tài chính, chi phí;

3. Quản trị sản xuất, công nghệ;

4. Quản trị marketing, bán hàng, thị trường, chuỗi cung ứng;

5. Quản trị rủi ro;

6. Quản trị hệ thống thông tin nội bộ;

7. Quản trị chiến lược;

8. Các nội dung về chuyển đổi số liên quan đến quản trị doanh nghiệp;

9. Đào tạo phát triển các kỹ năng, tâm lý cho người lao động, cán bộ quản lý;

10. Các chuyên đề khác liên quan đến quá trình sản xuất, kinh doanh, vận hành doanh nghiệp.

Mục 3. Quản trị doanh nghiệp chuyên sâu

1. Các chuyên đề tại Mục 2 Phụ lục 3.1 Thông tư này với nội dung chuyên sâu theo từng loại hình doanh nghiệp, theo từng ngành hàng, từng sản phẩm.

2. Đào tạo giám đốc điều hành (CEO); giám đốc sản xuất (CPO); giám đốc tài chính (CFO); giám đốc nhân sự (CHRO); giám đốc kinh doanh (CCO); Giám đốc vận hành (COO).

Mục 4. Đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến

1. Các chuyên tại Mục 2 Phụ lục 3.1 Thông tư này với nội dung chuyên sâu phù hợp với doanh nghiệp sản xuất, chế biến được đào tạo;

2. Các chuyên đề đào tạo liên quan đến sản xuất, chế biến sản phẩm khác theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Mục 5. Đào tạo trực tuyến qua Hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và qua công cụ dạy học trực tuyến

Các chuyên đề quy định tại Mục 1; Mục 2; Mục 3 Phụ lục 3.1 Thông tư này.

Trong đó:

1. Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo do giảng viên, báo cáo viên biên soạn, chuẩn bị phải cụ thể hóa yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và các nội dung cần thiết tương ứng với chuyên đề đào tạo;

2. Ngôn ngữ của tài liệu giảng dạy là tiếng Việt, của tài liệu tham khảo là tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài (nếu có); đảm bảo không trái với thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

3. Nội dung tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo phải phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo; không trái với các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với nhu cầu học tập của học viên.

4. Kiến thức trong tài liệu giảng dạy được trình bày khoa học, logic, đảm bảo cân đối giữa lý luận và thực hành, phù hợp với thực tiễn và cập nhật những kiến thức mới nhất của chủ đề đào tạo.

5. Những nội dung được trích dẫn trong tài liệu giảng dạy phải có nguồn gốc và chú thích rõ ràng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về quyền tác giả theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC 3.2: QUY TRÌNH TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Mục 1
ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CHUYÊN SÂU

Bước 1. Chuẩn bị tổ chức khóa đào tạo:

1. Đơn vị đào tạo khảo sát nhu cầu đào tạo của DNNVV (nếu cần) và thực hiện chiêu sinh:

a) Hoạt động khảo sát gồm: gửi phiếu khảo sát, gọi điện thoại, đến trực tiếp doanh nghiệp để tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu đào tạo.

b) Hoạt động chiêu sinh gồm: gọi điện thoại, gửi thư mời, đăng thông tin quảng cáo về khóa đào tạo trên các phương tiện thông tin, truyền thông hoặc thuê bên cung cấp để thực hiện chiêu sinh trọn gói.

2. DNNVV điền Phiếu đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục 3.3 Thông tư này để cử người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của doanh nghiệp tham gia khóa đào tạo.

3. Đơn vị đào tạo lập danh sách học viên và tìm giảng viên, báo cáo viên phù hợp.

Bước 2. Tổ chức khóa đào tạo:

1. Đối với đơn vị đào tạo

1.1. Quyết định tổ chức khoá đào tạo: Lãnh đạo đơn vị đào tạo ban hành quyết định về việc tổ chức khóa đào tạo gồm các nội dung sau: tên chuyên đề đào tạo (kèm theo bộ tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo); thời gian, địa điểm tổ chức khóa đào tạo; chương trình đào tạo theo từng ngày; danh sách giảng viên, cộng tác viên tham gia giảng dạy (kèm theo lý lịch giảng viên, cộng tác viên); danh sách học viên tham dự; dự toán kinh phí khóa đào tạo; danh sách cán bộ quản lý khóa đào tạo.

1.2. Mời giảng viên, báo cáo viên:

a) Trường hợp giảng viên, báo cáo viên giảng dạy trực tiếp toàn bộ: thực hiện đưa đón, bố trí ăn, nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên; chi trả thù lao giảng dạy của giảng viên, báo cáo viên.

b) Trường hợp giảng viên, báo cáo viên giảng dạy trực tuyến toàn bộ: chi trả thù lao giảng dạy của giảng viên, báo cáo viên. Đơn vị đào tạo có thể chuẩn bị một phòng giảng dạy tiêu chuẩn với đầy đủ công cụ và thiết bị đặc thù, đường truyền, chuẩn bị giải khát cho giảng viên, báo cáo viên, bố trí cán bộ hỗ trợ kỹ thuật phục vụ việc giảng dạy trực tuyến của giảng viên, báo cáo viên (nếu cần).

c) Trường hợp giảng viên giảng dạy cả trực tiếp và trực tuyến: chuẩn bị các nội dung cần thiết cho việc giảng dạy trực tiếp, trực tuyến của giảng viên, báo cáo viên theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1.2 Bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này tương ứng với thời gian giảng dạy trực tiếp, trực tuyến.

1.3. Chuẩn bị tài liệu học tập cho học viên học trực tiếp; chuẩn bị tài liệu học tập bản điện tử cho học viên học trực tuyến.

1.4. Chuẩn bị văn phòng phẩm cho học viên học trực tiếp (nếu cần).

1.5. Chuẩn bị hội trường và hậu cần phục vụ khóa học:

a) Trường hợp 100% học viên học trực tiếp: chuẩn bị hội trường, máy tính, máy chiếu và các thiết bị phục vụ giảng dạy trực tiếp; bố trí dịch vụ điện, nước, vệ sinh, trông giữ xe.

b) Trường hợp có từ 30% học viên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến: Đối với các học viên học trực tiếp: chuẩn bị các nội dung quy định tại điểm a khoản 1.5 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này phù hợp với quy mô học viên. Đối với học viên học trực tuyến: thuê, mua đường truyền; thuê, mua công cụ và thiết bị đặc thù phục vụ đào tạo trực tuyến phù hợp với quy mô học viên.

1.6. Tổ chức khai giảng: hoa tươi, băng-rôn, khuyến khích sử dụng phông ảnh điện tử.

1.7. Chuẩn bị giải khát giữa giờ cho học viên học trực tiếp.

1.8. Tổ chức cho học viên thực hành (nếu cần). Việc thực hành theo các hình thức sau: làm

thí nghiệm, trình diễn mô hình, diễn tập thực tế; thảo luận tình huống tại lớp; đi thăm, học tập kinh nghiệm tại doanh nghiệp điển hình; kết hợp cả ba hình thức trên. Đơn vị đào tạo lựa chọn hình thức thực hành phù hợp với nhu cầu học viên và điều kiện tổ chức lớp.

a) Trường hợp làm thí nghiệm, trình diễn mô hình, diễn tập thực tế: thuê, mua, vận chuyển tới địa điểm tổ chức khóa đào tạo các thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ thí nghiệm; tổ chức trình diễn mô hình, diễn tập thực tế.

b) Trường hợp đi thăm doanh nghiệp trong nước: đi khảo sát doanh nghiệp dự kiến đến thực tế; bố trí phương tiện đưa đón học viên từ nơi học đến địa điểm thực tế; mời báo cáo viên trình bày tại buổi thực tế; bố trí nơi ăn, nghỉ cho học viên trong trường hợp chuyến đi thực tế kéo dài hơn 1 ngày tại địa điểm ở xa nơi tổ chức đào tạo.

c) Trường hợp đi thăm doanh nghiệp tại nước ngoài: đi khảo sát doanh nghiệp dự kiến đến thực tế; bố trí phương tiện đưa đón học viên từ nơi học đến địa điểm thực tế; mời báo cáo viên trình bày tại buổi thực tế; bố trí nơi ăn, nghỉ cho học viên tại nước ngoài.

1.9. Kiểm soát thời lượng tham gia khóa đào tạo của học viên.

a) Đối với học viên học trực tiếp: lập danh sách điểm danh, ký xác nhận tham gia khóa học theo từng buổi.

b) Đối với học viên học trực tuyến: có hình ảnh minh chứng tham gia khóa học theo từng buổi.

1.10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo hình thức thuyết trình hoặc kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc hình thức tự luận hoặc kết hợp các hình thức trên.

1.11. Cấp chứng nhận đã tham gia khóa đào tạo cho học viên nếu có nhu cầu. Nội dung chứng nhận bao gồm thông tin của học viên, thông tin khóa đào tạo thuộc chương trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV-Luật Hỗ trợ DNNVV.

1.12. Lưu trữ tư liệu, hình ảnh minh chứng việc tổ chức khóa đào tạo.

1.13. Hoạt động quản lý một khóa đào tạo: đi công tác của cán bộ tổ chức lớp, tổ chức các cuộc họp triển khai khóa đào tạo, làm thêm giờ, thông tin liên lạc.

2. Đối với giảng viên: chuẩn bị bài giảng, tài liệu học tập và tài liệu tham khảo; chuẩn bị tài liệu học tập bản điện tử (nếu giảng dạy trực tuyến).

3. Đối với học viên:

3.1. Trường hợp học viên học trực tiếp: học viên tham dự đầy đủ và ký xác nhận tham gia theo từng buổi học. Trường hợp học viên học trực tuyến có hình ảnh chứng đã tham gia khóa học.

3.2. Thực hiện đánh giá chất lượng khóa đào tạo (Mẫu 2 Phụ lục 3.3 Thông tư này).

Bước 3. Kết thúc khóa đào tạo:

Đối với đơn vị đào tạo:

1. Tổ chức bế giảng: hoa tươi, băng-rôn. Khuyến khích sử dụng phông ảnh điện tử.

2. Lập báo cáo đánh giá kết thúc khóa đào tạo (Mẫu 3 Phụ lục 3.3 Thông tư này).

3. Hoàn thành hồ sơ kết thúc khóa đào tạo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo. Trường hợp đơn vị đào tạo là bên cung cấp thì hoàn thành hồ sơ kết thúc khóa đào tạo theo thời gian quy định tại hợp đồng đã ký với cơ quan, tổ chức hỗ trợ-DNNVV.

Mục 2
ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CƠ BẢN

Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này nhưng không bao gồm việc thực hành theo hình thức đi thăm doanh nghiệp tại nước ngoài quy định tại điểm c khoản 1.8 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

Mục 3
ĐÀO TẠO KHỞI SỰ KINH DOANH

Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này nhưng không bao gồm các nội dung sau:

1. Thực hành theo hình thức đi thăm doanh nghiệp quy định tại điểm b, c khoản 1.8 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

2. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập quy định tại khoản 1.10 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

Mục 4
ĐÀO TẠO TẠI DNNVV TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN

1. Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này nhưng không bao gồm các nội dung sau:

a) Hoạt động chiêu sinh quy định tại điểm b khoản 1 bước 1 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

b) Trường hợp giảng viên giảng dạy trực tuyến toàn bộ quy định tại điểm b khoản 1.2 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

2. Đơn vị đào tạo chuẩn bị hội trường và hậu cần phục vụ khóa học chỉ khi DNNVV không có hội trường để tổ chức khoá đào tạo.

Mục 5
ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN QUA CÔNG CỤ DẠY HỌC TRỰC TUYẾN CÓ SẴN

Bước 1: Chuẩn bị tổ chức khoá đào tạo: thực hiện theo quy định tại bước 1 Mục Phụ lục 3.2 Thông tư này.

Bước 2: Tổ chức khoá đào tạo

1. Đối với đơn vị đào tạo

1.1: Quyết định tổ chức khoá đào tạo: thực hiện theo quy định tại khoản 1.1 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

1.2. Mời giảng viên, báo cáo viên: chi trả thù lao giảng dạy của giảng viên, báo cáo viên. Đơn vị đào tạo có thể chuẩn bị một phòng giảng dạy tiêu chuẩn với đầy đủ công cụ và thiết bị đặc thù, đường truyền, chuẩn bị giải khát cho giảng viên, báo cáo viên, bố trí cán bộ hỗ trợ kỹ thuật phục vụ việc giảng dạy trực tuyến của giảng viên, báo cáo viên (nếu cần).

1.3. Chuẩn bị tài liệu học tập bản điện tử cho học viên.

1.4. Tổ chức khai giảng: chuẩn bị hoa tươi, băng-rôn điện tử.

1.5. Tổ chức cho học viên thực hành (nếu cần): việc thực hành theo các hình thức làm thí nghiệm, trình diễn mô hình, diễn tập thực tế; thảo luận tình huống tại lớp. Trường hợp làm thí nghiệm, trình diễn mô hình, diễn tập thực tế thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1.8 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

1.6. Kiểm soát thời lượng tham gia khoá đào tạo của học viên: có hình ảnh minh chứng tham gia khoá đào tạo theo từng buổi.

1.7. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo hình thức thuyết trình hoặc kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc hình thức tự luận hoặc kết hợp các hình thức trên.

1.8. Cấp chứng nhận đã tham gia khoá đào tạo cho học viên nếu có nhu cầu: thực hiện theo quy định tại khoản 1.11 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

1.9. Lưu trữ tư liệu, hình ảnh minh chứng cho việc tổ chức khoá đào tạo.

1.10. Hoạt động quản lý một khoá đào tạo: tổ chức các cuộc họp triển khai khoá đào tạo, làm thêm giờ, thông tin liên lạc.

2. Đối với giảng viên: chuẩn bị bài giảng, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo bản điện tử.

3. Đối với học viên: học viên tham dự học đầy đủ và có hình ảnh minh chứng đã tham gia

khoá đào tạo. Thực hiện đánh giá chất lượng khoá đào tạo (Mẫu 2 Phụ lục 3.3 Thông tư này).

Bước 3: Kết thúc khoá đào tạo: thực hiện theo quy định tại bước 3 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này, chỉ sử dụng băng-rôn điện tử.

Mục 6
ĐÀO TẠO QUA HỆ THỐNG ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN E-LEARNING

I. Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến

1. Xây dựng, thuê, mua hệ thống đào tạo trực tuyến, máy chủ, đường truyền

a) Hệ thống đào tạo trực tuyến: phần mềm Hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm: các tính năng hỗ trợ kiểm tra, kiểm soát chất lượng đào tạo trực tuyến (ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm; ra đề, chấm thi và đánh giá kết quả tự động; ngân hàng, câu hỏi tự luận), hệ thống quản lý học liệu điện tử (giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo, các bài tập tình huống), quản lý cơ sở dữ liệu người dùng (cơ sở dữ liệu học viên và cơ sở dữ liệu giảng viên), thiết kế và xây dựng các bài giảng, tạo môi trường kết nối, tương tác giữa các thành viên, thanh toán điện tử, theo dõi thống kê và báo cáo kết quả đào tạo học viên.

b) Thuê, mua máy chủ, đường truyền

- Thuê, mua sắm trang thiết bị hệ thống máy chủ.

- Thuê đường truyền, băng thông đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục.

c) Xây dựng các ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động thông minh và các chi phí liên quan (phí đăng ký, phí duy trì ứng dụng).

2. Xây dựng bài giảng trực tuyến, học liệu điện tử (bài giảng điện tử, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video clip) và các thông tin hỗ trợ đào tạo trực tuyến để tổng hợp, cập nhật vào hệ thống đào tạo trực tuyến, bao gồm:

a) Khảo sát, lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo, xác định nội dung bài giảng.

c) Xây dựng chương trình khung.

d) Xây dựng chương trình môn học.

e) Biên soạn giáo trình mới.

g) Xây dựng thư viện tài liệu học tập.

h) Xây dựng đề thi, ngân hàng câu hỏi (trắc nghiệm, tự luận).

i) Xây dựng kịch bản bài giảng trực tuyến.

k) Số hóa và nhập dữ liệu, tạo lập thông tin điện tử.

l) Xây dựng các bài giảng điện tử.

II. Tổ chức đào tạo trực tuyến

1. Tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá đào tạo trực tuyến (giới thiệu đến cộng đồng doanh nghiệp, tuyển sinh học viên).

2. Tổ chức hội thảo trực tiếp hoặc trực tuyến; diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, kết nối và tương tác giữa các học viên, doanh nghiệp.

III. Quản lý, vận hành hệ thống đào tạo trực tuyến

1. Bảo trì, nâng cấp phần mềm hệ thống đào tạo trực tuyến; bổ sung, cập nhật các tính năng mới cho hệ thống đào tạo trực tuyến.

2. Duy trì hệ thống và vận hành hệ thống đảm bảo tính liên tục, không bị gián đoán do đường truyền hoặc lỗi do hệ thống máy chủ.

3. Quản lý và lưu trữ các cơ sở dữ liệu của hệ thống đào tạo trực tuyến (bài giảng, tài liệu học tập, cơ sở dữ liệu học viên, cơ sở dữ liệu giảng viên và các tài liệu khác).

4. Tư vấn, hỗ trợ, giải đáp cho học viên trên hệ thống đào tạo trực tuyến các câu hỏi, vấn đề

liên quan đến nội dung bài giảng.

Mục 7
ĐÀO TẠO TƯ VẤN VIÊN

Thực hiện như quy định tại Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

PHỤ LỤC 3.3: MẪU HỒ SƠ KHÓA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Mẫu 1

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÓA ĐÀO TẠO[1]

(Dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .

Loại hình doanh nghiệp: ....

Địa chỉ trụ sở chính:

Quận/huyện: Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:…….Fax:…….Email:…….

2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên:

□ Có □ Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp:

3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:

Trong đó, số lao động nữ:

Tổng nguồn vốn năm trước liền kề:

Tổng doanh thu năm trước liền kề:

4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

□ Doanh nghiệp siêu nhỏ □ Doanh nghiệp nhỏ □ Doanh nghiệp vừa

5. Danh sách đăng ký tham gia khóa đào tạo (Ghi rõ khóa: khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp cơ bản, quản trị doanh nghiệp chuyên sâu, đào tạo tại doanh nghiệp)

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ nơi ở[2]	Địa chỉ nơi đang công tác[3]	Điện thoại liên lạc của học viên[4]	Chức danh, vị trí hiện tại	Tên Khóa/ Chuyên đề đào tạo đăng ký tham gia	Hình thức đào tạo (trực tuyến, trực tiếp, trực tuyến kết hợp trực tiếp)
1...									

DOANH NGHIỆP CAM KẾT

1. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..., ngày... tháng... năm ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Ghi chú: Các mục từ 1 đến 4 Mẫu này không phải kê khai nếu Phiếu đăng ký nộp cùng Tờ khai quy định tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

[1] Không áp dụng khi học viên tham gia Hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

[2] Phản ánh hiện trạng 6 tháng gần nhất.

[3] Phản ánh hiện trạng 6 tháng gần nhất.

[4] DNNVV có thể cung cấp 01 số điện thoại của bộ phận hành chính, nhân sự làm đầu mối liên hệ.

Mẫu 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG KHÓA ĐÀO TẠO[5]

(Dành cho học viên[6])

1. Họ và tên học viên:

2. Tên doanh nghiệp cử tham gia khóa đào tạo:

3. Khóa đào tạo mà học viên đã tham gia:

- Tên khóa đào tạo:

- Thời gian tham gia:

- Địa điểm tổ chức:

- Giảng viên:

Nhằm nâng cao chất lượng khóa đào tạo, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đề nghị học viên vui lòng đánh giá về chất lượng khóa đào tạo theo các nội dung sau:

Diễn giải	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1. Nội dung đào tạo				
2. Tài liệu giảng dạy				
3. Chất lượng giảng viên				
4. Công tác tổ chức khóa đào tạo				
5. Mức độ tiếp thu của học viên				
6. Thời lượng của khóa đào tạo	Dài	Vừa	Ngắn	

Kiến nghị của học viên/doanh nghiệp (nếu có):

....., ngày....tháng....năm…..

---

[5] Đơn vị đào tạo có thể tạo mẫu biểu điện tử để học viên đánh giá; không yêu cầu học viên ký xác nhận vào từng phiếu.

[6] Đối với khóa đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này, từng học viên của DNNVV đánh giá khóa đào tạo theo mẫu này hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp DNNVV thực hiện đánh giá khóa đào tạo và ký tên, đóng dấu vào cuối phiếu.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

Mẫu 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC KHÓA ĐÀO TẠO

(Dành cho đơn vị đào tạo)

ĐƠN VỊ.....

1. Thông tin chung về khóa đào tạo

- Tên khóa đào tạo/chuyên đề đào tạo:

- Họ và tên giảng viên: Trình độ:

- Thời gian tổ chức:

- Địa điểm tổ chức: .

- Thời lượng đào tạo: ngày, trong đó: thời lượng hướng dẫn học viên thực hành là.... ngày, tương ứng với ….% thời lượng khóa đào tạo.

- Tình hình học viên tham gia khóa học:

+ Tổng số học viên (HV) tham gia khóa đào tạo:..... trong đó: số HV hoàn thành khóa đào tạo:....., chiếm tỷ lệ:.....

+ Số học viên từ địa bàn đặc biệt khó khăn:

+ Số học viên từ DNNVV do phụ nữ làm chủ/DNNVV nhiều lao động nữ/DNNVV là doanh nghiệp xã hội: .....;

- Tổng số DNNVV cử cán bộ tham gia khóa đào tạo: doanh nghiệp.

2. Tổng hợp đánh giá chất lượng khóa đào tạo

TT	Nội dung	Tốt		Khá		Trung bình		Kém	
		Số HV	Tỷ lệ (%)	Số HV	Tỷ lệ (%)	Số HV	Tỷ lệ (%)	Số HV	Tỷ lệ (%)
1	Nội dung đào tạo						..		
2	Tài liệu giảng dạy								
3	Chất lượng giảng viên								
4	Công tác tổ chức đào tạo								
5	Mức độ tiếp thu của HV								
6	Thời lượng của khóa đào tạo	**Dài:** Số HV... Tỷ lệ (%)...		**Vừa:** Số HV... Tỷ lệ (%)...			**Ngắn:** Số HV... Tỷ lệ (%)...		

3. Đề xuất/kiến nghị (nếu có):

Cán bộ quản lý khóa đào tạo của đơn vị đào tạo *(Ký, họ tên)*	**Cán bộ kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV**[7] *(Ký, họ tên)*	**Thủ trưởng đơn vị đào tạo** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

[7]Chỉ áp dụng đối với trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đấu thầu lựa chọn đơn vị

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

đào tạo

PHỤ LỤC 4: ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../……	*...., ngày…. tháng...năm....*

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA NĂM...

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DNNVV NĂM 20... *(năm trước năm kế hoạch)*

1. Kết quả thực hiện hỗ trợ công nghệ; tư vấn; đào tạo; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị năm 20...

a) Số lượng DNNVV thực hiện hỗ trợ; nội dung hỗ trợ; số kinh phí hỗ trợ từ NSNN, số huy động, tài trợ được;

b) Phương thức thực hiện hỗ trợ:

- Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV trực tiếp cung cấp các dịch vụ hỗ trợ (thống kê các nội dung, dịch vụ hỗ trợ cho DNNVV, tổng kinh phí thực hiện, trong đó, phần NSNN hỗ trợ, kết quả thực hiện):...;

- Bên cung cấp thực hiện (thống kê các sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp cho DNNVV, tổng kinh phí thực hiện, trong đó, phần NSNN hỗ trợ, kết quả thực hiện):...;

c) Thuận lợi, khó khăn khi triển khai hoạt động hỗ trợ cho DNNVV.

d) Kiến nghị

2. Số liệu tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ DNNVV năm 20....

a) Tổng kinh phí đã thực hiện hỗ trợ DNNVV: đồng[1]. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: đồng.

- Từ nguồn ngân sách địa phương: đồng.

- Từ nguồn đóng góp, chi trả của DNNVV: đồng.

- Từ nguồn huy động, tài trợ: đồng.

b) Chi tiết số liệu tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3.

II. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA NĂM 20... *(năm kế hoạch)*

1. Dự kiến kế hoạch hỗ trợ công nghệ; tư vấn; đào tạo; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị năm 20...

Đề nghị đơn vị xây dựng thuyết minh về những nội dung đề xuất hỗ trợ:

- Sự cần thiết triển khai, các hoạt động hỗ trợ DNNVV

- Nhu cầu của DNNVV trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách

- Năng lực tổ chức, thực hiện; phối hợp thực hiện

- Số lượng DNNVV dự kiến thực hiện hỗ trợ; nội dung hỗ trợ, ...

- Các thông tin liên quan khác.

2. Số liệu tổng hợp về đề xuất kinh phí thực hiện hỗ trợ DNNVV năm 20....

a) Tổng kinh phí đề nghị để hỗ trợ DNNVV:. đồng[2]. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: đồng.

- Từ nguồn ngân sách địa phương: đồng.

- Từ nguồn đóng góp, chi trả của DNNVV: đồng.

- Từ nguồn huy động, tài trợ: đồng.

b) Chi tiết số liệu tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3.

…, ngày....tháng....năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

---

[1] Ghi tổng số kinh phí của Biểu 1+ Biểu 2+ Biểu 3

[2]Ghi tổng số kinh phí của Biểu 1+ Biểu 2+ Biểu 3

TÊN: đơn vị chủ quản

Tên: …. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

Biểu 1. tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV năm 202...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Số kinh phí NSNN hỗ trợ	Số kinh phí DNNVV chi trả/ học phí của học viên	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP	Ghi chú
a	b	c	d	đ	e = c+d+đ	g	h
I	**Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV**					Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
1	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV						
II	**Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo**					Điều 22 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
1	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo						
III	**Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV**					Khoản 1, 2, 3 Điều 14 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
1	Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp						
2	Đào tạo trực tuyến						

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

LuatVietnam.vn

3	Đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến						
IV	**Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV**					Điều 13 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
1	Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV						
2	Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên						
V	**Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**					Điều 25 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
1	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị						
VI	**Quản lý hoạt động hỗ trợ DNNVV**						
1	Quản lý chung hoạt động hỗ trợ DNNVV						
2	Quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV						
	Tổng cộng (=I+II+III+IV+V+VI)	-	**-**		-		

Người lập
(Ký, họ tên)

…., ngày..... tháng..... năm....
Lãnh đạo đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

LuatVietnam.vn

TÊN: đơn vị chủ quản

Tên: …. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

Biểu 2: Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về công nghệ; tư vấn; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị năm 202..

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

ĐVT: đồng

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN		số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	số kinh phí DNNVV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
a	b	c	d	đ	e	g = dxe	h	i	k = g+h+i	l	m
I	**Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV (=1+2+3+4)**										
1	Hỗ trợ tư vấn giải pháp chuyển đổi số	DN								Khoản 1 Điều 11 NĐ 80/2021/NĐ- CP	
1.1	*Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ*	DN		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
1.2	*Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa*	DN		*50%*	*100.000.000*	*100.000.000*					

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

2	Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số	DN								Khoản 2 Điều 11 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
2.1	*Hỗ trợ thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp siêu nhỏ*	DN		*50%*	*20.000.000*	*20.000.000*					
2.2	*Hỗ trợ thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ*	*DN*		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
2.3	*Hỗ trợ thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa*	*DN*		*50%*	*100.000.000*	*100.000.000*					
3	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp	DN		50%	100.000.000	100.000.000				Khoản 3 Điều 11 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp	DN		50%	100.000.000	100.000.000				Khoản 4 Điều 11 NĐ 80/2021/NĐ- CP	
II	**Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (=1+2+3+4+5+6)**										
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung	DN								Khoản 1 Điều 22 NĐ 80/2021/NĐ-CP	

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

1.1	*Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung*	*DN*		*100%*	*20.000.000*	*20.000.000*					
1.2	*Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung*	*DN*		*50%*	*5.000.000*	*5.000.000*					*Lập kế hoạch cho 12 tháng với giá trị tối đa là 60 triệu đồng /DN/năm*
2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	DN								Khoản 2 Điều 22 NĐ 80/2021/NĐ- CP	
2.1	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước*	*DN*		*100%*	*30.000.000*	*30.000.000*					
2.2	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu*	*DN*		*100%*	*30.000.000*	*30.000.000*					
2.3	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước*	*DN*		*100%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
2.4	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài*	*DN*		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

LuatVietnam.vn

3	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	DN								Khoản 3 Điều 22 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
3.1	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn*										
3.1.1	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở*	*DN*		*100%*	*10.000.000*	*10.000.000*					
3.1.2	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng*	*DN*		*100%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
3.2	*Hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường*	*DN*		*50%*	*10.000.000*	*10.000.000*					
3.3	*Hỗ trợ chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa*	*DN*		*50%*	*30.000.000*	*30.000.000*					
3.4	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới*	*DN*		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

4	Hỗ trợ tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp	DN		*50%*	100.000.000	100.000.000				Khoản 4 Điều 22 NĐ 80/2021/NĐ- CP	
5	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu	DN								Khoản 5 Điều 22 NĐ 80/2021/NĐ- CP	
5.7	*Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học*	*DN*		*50%*	*5.000.000*	*5.000.000*					*Lập kế hoạch tối đa 3 học viên/DN với giá trị hỗ trợ là 15 triệu đồng/ DN/năm*
5.2	*Hỗ trợ chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài*	*DN*		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					*Lập kế hoạch tối đa 2 học viên/DN với giá trị hỗ trợ là 100 triệu đồng/ DN/ năm*
6	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo	DN								Khoản 6 Điều 22 NĐ 80/2021/NĐ- CP	

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

LuatVietnam.vn

6.1	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế*	*DN*		*50%*	*100.000.000*	*100.000.000*					
6.2	*Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế*	*DN*		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
6.3	*Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại*	*DN*									
6.3.1	*Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước*	*DN*			*30.000.000*	*30.000.000*					
6.3.2	*Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nước ngoài*	*DN*			*50.000.000*	*50.000.000*					
6.4	*Hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo tế về khởi nghiệp sáng tạo*	*DN*		*50%*	*30.000.000*	*30.000.000*					
III	**Hỗ trợ tư vấn (=A+B+C)**										
A	**Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV (=1+2+3)**										

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

LuatVietnam.vn

1	Hỗ trợ tư vấn cho DN siêu nhỏ									*Điểm a khoản 2 Điều 13 NĐ 80/2021/NĐ-CP*	
1.1	*Tư vấn cho doanh nghiệp siêu nhỏ*	*DN*		*100%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
1.2	*Tư vấn cho doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội (nếu có)*	*DN*		*100%*	*70.000.000*	*70.000.000*					
2	Hỗ trợ tư vấn cho DN nhỏ									Điểm b khoản 2 Điều 13 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
2.1	*Tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ*	*DN*		*50%*	*100.000.000*	*100.000.000*					
2.2	*Tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội (nếu có)*	*DN*		*50%*	*150.000.000*	*150.000.000*					
3	Hỗ trợ tư vấn cho DN vừa									*Điểm c khoản 2 Điều 13 NĐ*	

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

										80/2021/NĐ-CP	
3.1	*Tư vấn cho doanh nghiệp vừa*	*DN*		*30%,*	*150.000.000*	*150.000.000*					
3.2	*Tư vấn cho doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội (nếu có)*	*DN*		*30%*	*200.000.000*	*200.000.000*					
B	**Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên (=4+2+3)**										
1	Công nhận tư vấn viên tham gia mạng lưới, đưa tư vấn viên ra khỏi mạng lưới	Tư vấn viên		100%	300.000						
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo tổng kết, đánh giá mạng lưới tư vấn viên	Hội nghị		100%							
3	Mua sắm, xây dựng phần mềm quản lý mạng lưới tư vấn viên; mua sắm, nâng cấp, duy trì hạ tầng phần cứng, dịch vụ đường truyền, máy chủ và dịch vụ liên quan khác...			100%							
C	**Đào tạo, bồi dưỡng phát triển mạng lưới tư vấn viên***	Khoá		100%							

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

IV	**Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (=1+2+3+4+5)**										
1	Đào tạo*									Khoản 1 Điều 25 NĐ 80/2021/NĐ- CP	
1.1	*Hỗ trợ chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp*	*Khóa*		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
1.2	*Hỗ trợ chi phí đào tạo cho học viễn của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị*	*Học viên*		*50%*	*10.000.000*	*10.000.000*					*Lập kế hoạch tối đa 3 học viên/DN với giá trị hỗ trợ là 30 triệu đồng/DN /năm*
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh	DN								Khoản 2 Điều 25 NĐ 80/2021/NĐ- CP	
2.1	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị*	*DN*		*100%*	*30.000.000*	*30.000.000*					
2.2	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở*	*DN*		*100%*	*100.000.000*	*100.000.000*					

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

	thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi										
3	Hỗ trợ phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường									Khoản 3 Điều 25 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
3.1	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế*	*DN*		*50%*	*100.000.000*	*100.000.000*					
3.2	*Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế*	*DN*		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
3.3	*Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại*										
3.3.1	*Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước*	*DN*			*50.000.000*	*50.000.000*					
3.3.2	*Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nước ngoài*	*DN*			*70.000.000*	*70.000.000*					

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

3.4	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước*	*DN*		*100%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
3.5	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị*	*DN*		*100%*	*20.000.000*	*20.000.000*					
4	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng									Khoản 4 Điều 25 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
4.1	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn*										
4.1.1	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở*	*DN*		*100%*	*10.000.000*	*10.000.000*					
4.1.2	*Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng*	*DN*		*100%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
4.2	*Chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường*	*DN*		*50%*	*10.000.000*	*10.000.000*					

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

4.3	*Chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật*	*DN*		*100%*	*20.000.000*	*20.000.000*					
5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	DN								Khoản 5 Điều 25 NĐ 80/2021/NĐ- CP	
5.1	*Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng*	*DN*		*100%*	*30.000.000*	*30.000.000*					
5.2	*Hỗ trợ chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ*	*DN*		*50%*	*30.000.000*	*30.000.000*					
5.3	*Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV*	*DN*		*50%*	*50.000.000*	*50.000.000*					
V	**Quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV về công nghệ; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ tư vấn; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;**										
	Tổng cộng (=I+II+III+IV+V)										

(*): lập dự toán chi tiết các khoá đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

Người lập
(Ký, họ tên)

...., ngày..... tháng..... năm....
Lãnh đạo đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TÊN: đơn vị chủ quản

Tên: …. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

Biểu 3: Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về đào tạo năm 202…

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung (khóa đào tạo/địa bàn)	Số khóa đào tạo	Số học viên tham dự	Tổng chi phí	Phân chia nguồn			Căn cứ tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP	Ghi chú
					NSNN hỗ trợ	Nguồn thu học phí của học viên	Nguồn tài trợ (nếu có)		
a	b	c	d	đ=(e+g+h)	e	g	h	i	k
I	**Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp* (=1+2+3+4)**								
1	Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh							Khoản 1 Điều 14 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
2	Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản							Khoản 1 Điều 14 NĐ số 80/2021/NĐ-CP	
3	Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu							Khoản 1 Điều 14 NĐ 80/2021/NĐ-CP	
4	Khóa đào tạo tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến							Khoản 3 Điều 14 NĐ 80/2021/NĐ-CP	

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

LuatVietnam.vn

II	**Đào tạo tạo trực tuyến* (=1+2)**								
1	Hệ thống đào tạo trực tuyến Elearning (chỉ áp dụng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương có hệ thống)							Điểm a khoản 2 Điều 14 NĐ số 80/2021/NĐ-CP	
2	Đào tạo qua công cụ dạy học trực tuyến có sẵn							Điểm b khoản 2 Điều 14 NĐ số 80/2021/NĐ-CP	
III	**Hình thức đào tạo kết hợp * (=1+2+3+4+5)**								
1	100% học viên học trực tiếp; giảng viên dạy trực tuyến toàn bộ								
2	100% học viên học trực tiếp; giảng viên dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến								
3	30% học viên trở lên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến; giảng viên dạy trực tiếp toàn bộ								
4	30% học viên trở lên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến; giảng viên dạy trực tuyến toàn bộ.								
5	30% học viên trở lên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến; giảng viên dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến.								
IV	**Hoạt động lựa chọn bên cung cấp theo quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu có)**								

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật
LuatVietnam.vn

	Tổng cộng (=I+II+III+IV)								

(*): lập dự toán chi tiết các khoá đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

Người lập
(Ký, họ tên)

...., ngày..... tháng..... năm....
Lãnh đạo đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

LuatVietnam.vn